

BỆNH VIỆN UNG BƯỚU THANH HÓA
KHOA DƯỢC – VTYT

THÔNG TIN DƯỢC LÂM SÀNG:
“THỜI ĐIỂM DỪNG THUỐC VÀ CHUYỂN ĐỔI KHÁNG SINH TỪ ĐƯỜNG
TIÊM SANG ĐƯỜNG UỐNG TẠI BỆNH VIỆN UNG BƯỚU THANH HÓA
NĂM 2020”

THANH HÓA 2020

Đặt vấn đề

Yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả của việc sử dụng thuốc trong quá trình điều trị là ***thời điểm dùng thuốc***. Một số loại thuốc được hấp thu, phân phối, chuyển hóa nhanh hay chậm tùy thuộc vào lượng thức ăn trong đường tiêu hóa, ví dụ: thời gian thuốc lưu lại trong dạ dày hoặc ruột cùng với thức ăn, tác dụng không mong muốn trên đường tiêu hóa. Ngoài ra tác dụng của thuốc đôi khi còn phụ thuộc vào sinh lý của cơ thể. Vì vậy, việc tư vấn cho bệnh nhân về thời điểm dùng thuốc là thực sự cần thiết.

Để giảm chi phí y tế, tăng cường sử dụng kháng sinh hợp lý, giảm hậu quả không mong muốn khi dùng kháng sinh, nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh, ngăn ngừa vi khuẩn đề kháng kháng sinh thì nhân viên y tế cần chú ý về vấn đề ***chuyển đổi kháng sinh từ đường tiêm sang đường uống*** khi điều trị.

Căn cứ vào danh mục thuốc sử dụng tại bệnh viện, Tổ Thông tin thuốc – Dược lâm sàng đã xây dựng tài liệu: “**Thời điểm dùng thuốc và chuyển đổi kháng sinh từ đường tiêm sang đường uống tại bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa năm 2020**” để giúp các bác sĩ tiện tra cứu và sử dụng thuốc phù hợp cho bệnh nhân.

Mọi thông tin xin liên hệ Tổ Thông tin thuốc – Dược lâm sàng Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa.

Xin chân thành cảm ơn.

Người thực hiện:

DS. Mai Văn Thắng

DS. Nguyễn Thị Hương

TRƯỞNG KHOA DƯỢC

DS. Lê Chí Hiếu

DANH MỤC THỜI ĐIỂM DÙNG THUỐC

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Thời điểm dùng thuốc			Lưu ý
						Xa bữa ăn	Gần bữa ăn	Tùy ý	
	2. THUỐC GIẢM ĐAU, HẠ SỐT; CHỐNG VIÊM KHÔNG STEROID; THUỐC ĐIỀU TRỊ GÚT VÀ CÁC BỆNH XƯƠNG KHỚP								
	2.1. Thuốc giảm đau, hạ sốt; chống viêm không steroid								
1	Roticox 90 mg film - coated tablets	Etoricoxib	90mg	Viên nén bao phim	Viên			X	
2	Goldprofen	Ibuprofen	400mg	Viên nén bao phim	Viên		X		Nên uống thuốc sau khi ăn
3	Antarene codeine 200mg/30mg	Ibuprofen + Codein	200mg + 30mg	Viên nén bao phim	Viên		X		Nên uống cùng hoặc sau khi ăn
4	MS-Contin 30mg	Morphin sulfat	30mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Viên			X	Cần uống nguyên viên, không làm vỡ, không nhai, không nghiền.
5	Morphin 30mg	Morphin	30mg	Viên nang cứng	Viên			X	
6	Codalgin Forte	Paracetamol + codeine phosphate	500mg + 30mg	Viên nén	Viên			X	

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Thời điểm dùng thuốc			Lưu ý
						Xa bữa ăn	Gần bữa ăn	Tùy ý	
7	Effer-paralmax codein 10	Paracetamol + codein phosphat	500mg + 10mg	Viên nén sủi bột	Viên			X	
8	Algotra 37,5mg/325mg	Paracetamol + Tramadol hydrochlorid	325mg + 37,5mg	Viên nén sủi	Viên			X	
9	Dovalgan Ef	Paracetamol + Tramadol hydroclorid	325mg + 37,5mg	Viên nén sủi bột	Viên			X	
10	Ultracet	Tramadol HCl + Paracetamol	37,5mg + 325mg	Viên nén	Viên			X	
2.2. Thuốc điều trị gút									
11	Allopurinol	Allopurinol	300mg	Viên nén	Viên		X		Uống thuốc sau bữa ăn với nhiều nước
3. THUỐC CHỐNG DỊ ỨNG VÀ DÙNG TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP QUÁ MÃN									
12	Aleradin	Desloratadin	5mg	Viên nén bao phim	Viên			X	
5. THUỐC CHỐNG CO GIẬT, CHỐNG ĐỘNG KINH									
13	Tegretol 200	Carbamazepine	200mg	Viên nén	Viên			X	
14	Myleran Plus	Gabapentin	300mg	Viên nén sủi bột	Viên			X	

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Thời điểm dùng thuốc			Lưu ý
						Xa bữa ăn	Gần bữa ăn	Tùy ý	
15	PMS-Pregabalin	Pregabalin	75mg	Viên nang cứng	Viên			X	
16	Prega 50	Pregabalin	50mg	Viên nang cứng	Viên			X	
17	Neuralmin 75	Pregabalin	75mg	Viên nang cứng	Viên			X	
6. THUỐC ĐIỀU TRỊ KÝ SINH TRÙNG, CHỐNG NHIỄM KHUẨN									
6.2. Chống nhiễm khuẩn									
6.2.1. Thuốc nhóm beta-lactam									
18	Tenamox 500	Amoxicilin	500mg	Viên nang cứng	Viên			X	
19	Vigentin 500/62,5DT.	Amoxicilin + acid clavulanic	500mg + 62,5mg	Viên nén phân tán	Viên		X		Uống thuốc vào lúc bắt đầu ăn
20	Smodir-DT	Cefdinir	300mg	Viên nén phân	Viên	X			Không uống cùng cefdinir với thức ăn

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Thời điểm dùng thuốc			Lưu ý
						Xa bữa ăn	Gần bữa ăn	Tùy ý	
21	Minicef 400mg	Cefixime	400mg	Viên nén bao phim	Viên			X	
22	Ingaron 200 DST	Cefpodoxim	200mg	Viên nén phân tán	Viên		X		Nên uống cùng thức ăn để tăng sự hấp thu
23	Xorimax Tab 500mg 10's	Cefuroxim, Cefuroxim axetil	500mg	Viên nén bao phim	Viên		X		Thuốc nên được dùng trong bữa ăn để tăng SKD
24	Curam Tab 1000mg 10x8's	Amoxicillin; acid clavulanic	875mg+125mg	Viên nén bao phim	Viên		X		Tốt nhất uống ngay trước bữa ăn (vào đầu bữa ăn hoặc ngay trước bữa ăn)
25	Augmentin Tablet 1g x7's	Amoxicillin; acid clavulanic	875mg+125mg	Viên nén bao phim	Viên		X		
26	Zinnat Tab 250mg 10's	Cefuroxim	250mg	Viên nén bao phim	Viên		X		Nên uống Zinnat sau khi ăn để đạt được hấp thu tối ưu
27	Zinnat Tab 500mg 10's	Cefuroxim	500mg	Viên nén bao phim	Viên		X		
	6.2.4. Thuốc nhóm nitroimidazol								
28	Metronidazol		250mg	Viên nén	Viên		X		Uống cùng hoặc sau bữa ăn

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Thời điểm dùng thuốc			Lưu ý
						Xa bữa ăn	Gần bữa ăn	Tùy ý	
	6.2.6. Thuốc nhóm macrolid								
29	Zitromax	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	500mg	Viên nén bao phim	Viên			X	
30	Crutit	Clarithromycin	500mg	Viên nén bao phim	Viên			X	
32	Rulid 150mg	Roxithromycin	150mg	Viên nén bao phim	Viên	X			Sự hấp thu của thuốc giảm khi uống sau bữa ăn. Nên uống thuốc trước bữa ăn ít nhất 15 phút
	6.2.7. Thuốc nhóm quinolon								
31	Viprolox 500	Ciprofloxacin	500mg	Viên nén	Viên			X	Không uống cùng với sữa, sữa chua, các sản phẩm tăng cường calci (như nước ép quả) đơn độc (không kèm bữa ăn) vì hấp thu thuốc bị giảm nhiều. Tốt hơn là cho uống thuốc 2 giờ trước hoặc sau khi uống các sản phẩm trên.
32	Avelox	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin HCl)	400mg	Viên nén bao phim	Viên			X	
	6.2.9. Thuốc nhóm tetracyclin								

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Thời điểm dùng thuốc			Lưu ý
						Xa bữa ăn	Gần bữa ăn	Tùy ý	
33	Doxycyclin 100 mg	Doxycyclin	100mg	Viên nang	Viên		X		Uống với nhiều nước trước khi đi ngủ vào buổi tối để làm giảm khả năng gây kích ứng thực quản và loét. Nếu kích thích dạ dày xảy ra, doxycyclin được khuyến cáo dùng với thức ăn hoặc sữa.
6.3. Thuốc chống vi rút									
34	SaVi Tenofovir 300	Tenofovir (TDF)	300mg	Viên nén dài bao phim	Viên		X		Uống thuốc trong bữa ăn hoặc khi ăn nhẹ. Thuốc hấp thu tốt nhất khi no và khi thức ăn có nhiều chất béo.
35	Paclovir 200 DT	Aciclovir	200mg	Viên nén phân tán	Viên			X	
36	Spulit	Itraconazol	100mg	Viên nang cứng	Viên		X		Phải uống ngay sau bữa ăn
8. THUỐC ĐIỀU TRỊ UNG THƯ VÀ ĐIỀU HÒA MIỄN DỊCH									
8.1. Hóa chất									
37	Mefuform	Tegafur-uracil	100mg + 224mg	Viên nang	Viên	X			Uống trước hoặc sau bữa ăn ít nhất 1 giờ

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Thời điểm dùng thuốc			Lưu ý
						Xa bữa ăn	Gần bữa ăn	Tùy ý	
38	Navelbine 20mg	Vinorelbine	20mg	Viên nang mềm	Viên		X		Không được nhai hay ngậm. Viên Navelbine được khuyến cáo dùng chung với thức ăn
39	Navelbine 30mg	Vinorelbine	30mg	Viên nang mềm	Viên		X		
40	Umkanib 100	Imatinib	100mg	Viên nén bao phim	Viên		X		Thuốc được uống trong bữa ăn với nhiều nước (khoảng 240 ml) để làm giảm kích ứng dạ dày.
41	Rivacil 100	Erlotinib	100mg	Viên nén bao phim	Viên	X			Dùng ít nhất 1 giờ trước hoặc 2 giờ sau khi ăn. Cần bỏ hút thuốc lá trong khi trị liệu với erlotinib. Không uống cùng nước ép bưởi.
42	Rivacil 150	Erlotinib	150mg	Viên nén bao phim	Viên	X			
43	Tarceva 150mg Tabs B/30 (Switzerland)	Erlotinib	150mg	Viên nén bao phim	Viên	X			
44	Matilda	Gefitinib	250mg	Viên nén bao phim	Viên			X	Uống trong hoặc ngoài bữa ăn, vào cùng một thời điểm mỗi ngày. Không nghiền nát viên thuốc.
45	Letrozsun	Letrozol	2,5mg	Viên nén bao phim	Viên			X	

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Thời điểm dùng thuốc			Lưu ý
						Xa bữa ăn	Gần bữa ăn	Tùy ý	
46	ASSTROZOL	Anastrozol	1mg	Viên nén bao phim	Viên			X	Uống vào một giờ nhất định trong ngày.
47	Xalvobin 500mg film-coated tablet	Capecitabin	500mg	Viên nén bao phim	Viên		X		uống trong vòng 30 phút sau bữa ăn
48	Zetabin	Capecitabin	500mg	Viên nén bao phim	Viên		X		
	8.3. Thuốc điều trị nội tiết								
49	Linkotax 25mg	Exemestan	25mg	Viên nén bao phim	Viên		X		Nên uống sau khi ăn . Không bẻ đôi viên thuốc
50	Exfast	Exemestan	25mg	Viên nén bao phim	Viên		X		
	11. THUỐC TÁC DỤNG ĐỐI VỚI MÁU								
51	Ferium- XT	Sắt ascorbat + acid folic	100mg + 1,5mg	Viên nén bao phim	Viên	X			Uống thuốc trước khi ăn 1 giờ hoặc sau khi ăn 2 giờ. Không nhai viên thuốc khi uống. Uống với nhiều nước.
	12. THUỐC TIM MẠCH								
52	Amlor	Amlodipine (dưới dạng amlodipine besilate)	5mg	Viên nang cứng	Viên			X	

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Thời điểm dùng thuốc			Lưu ý
						Xa bữa ăn	Gần bữa ăn	Tùy ý	
53	Ebitac Forte	Enalapril + hydrochlorothiazid	20mg + 12,5mg	Viên nén	Viên			X	
54	Coversyl 5mg	Perindopril Arginine	5mg	Viên nén bao phim	Viên	X			Uống thuốc một lần vào buổi sáng lúc đói (trước khi ăn)
55	Aspirin 100	Acetylsalicylic acid	100mg	Thuốc bột	Gói	X			Nếu cần giảm đau nhanh, nên uống aspirin không cùng bữa ăn, nhưng nếu cần dùng aspirin lâu dài, nên uống cùng với thức ăn để giúp bảo vệ niêm mạc dạ dày.
56	Lipanthyl 200M	Fenofibrate	200mg	Viên nang cứng	Viên		X		Viên nang nên được uống trong bữa ăn, phải phối hợp với chế độ ăn hạn chế lipid.
57	Lovarem 20 Tablets	Lovastatin	20mg	Viên nén	Viên		X		Nên uống thuốc vào buổi tối với bữa ăn để hấp thu tối đa.
	16. THUỐC LỢI TIỂU								
58	Savispirono-Plus	Furosemid + spironolacton	20mg + 50mg	Viên nén bao phim	Viên		X		Nên uống spironolacton với thức ăn để giảm kích ứng dạ dày và tăng hấp thu. Uống 1 lần trong ngày vào buổi sáng

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Thời điểm dùng thuốc			Lưu ý
						Xa bữa ăn	Gần bữa ăn	Tùy ý	
	17. THUỐC ĐƯỜNG TIÊU HÓA								
59	Gastrolium	Attapulgit mormoiron hoạt hóa + hỗn hợp magnesi carbonat-nhôm hydroxyd	2,5g + 0,5g; 3g	Bột pha hỗn dịch uống	Gói	X			Dùng cách trước hoặc sau bữa ăn hoặc ngay lúc đang có cơn đau.
60	Gelactive Fort	Magnesi hydroxyd + Nhôm hydroxyd + Simethicon	400mg + 300mg + 30mg; 10ml	Hỗn dịch	Gói	X			Uống 1 tiếng sau bữa ăn, trước khi đi ngủ hoặc khi thấy khó chịu.
61	Emanera 20mg	Esomeprazol	20mg	Viên nang cứng	Viên	X			Nên dùng lúc bụng đói: Dùng 1 giờ trước khi ăn. Nuốt nguyên viên, không nhai/ nghiền.
62	Dogastrol 40mg	Pantoprazol	40mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Viên			X	Dùng mỗi ngày một lần vào buổi sáng, trước hoặc sau bữa ăn đều được. Nuốt cả viên, không được bẻ, nhai hoặc làm vỡ viên thuốc.
63	Drotavep 40mg Tablets	Drotaverin clohydrat	40mg	Viên nén	Viên			X	
64	Forlax	Macrogol 4000	10g	Bột pha dung dịch uống	Gói	X			Nên uống thuốc vào buổi sáng trước khi ăn.

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Thời điểm dùng thuốc			Lưu ý
						Xa bữa ăn	Gần bữa ăn	Tùy ý	
65	Sorbitol 5g	Sorbitol	5g	Thuốc bột pha dung dịch uống	Gói	X			Uống trước bữa ăn hoặc khi có triệu chứng khó tiêu
66	Actapulgate	Activated Attapulgate of Mormoiron	3g	Bột pha dung dịch uống	Gói	X			Thường uống trước bữa ăn
67	Baci-subti	Bacillus subtilis	≥ 108 CFU; 500mg	Viên nang cứng	Viên	X			Uống trước bữa ăn 30 phút
68	Smecta	Diosmectit	3g	Bột pha hỗn dịch uống	Gói		X		Nên dùng sau bữa ăn trong bệnh về thực quản. Giữa các bữa ăn trong các bệnh khác.
69	Loperamid 2mg	Loperamid hydroclorid	2mg	Viên nang cứng	Viên			X	
70	MICEZYM 100	Saccharomyces boulardii	100mg (tương đương $2,26 \times 10^9$ CFU)	Thuốc bột	Gói			X	
71	Carsil 90mg	Silymarin	90mg	Viên nang cứng	Viên			X	

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Thời điểm dùng thuốc			Lưu ý
						Xa bữa ăn	Gần bữa ăn	Tùy ý	
72	Fynkhepar 200mg Tablet	Silymarin	200mg	Viên nén bao phim	Viên			X	
18. HOCMON VÀ CÁC THUỐC TÁC ĐỘNG VÀO HỆ THỐNG NỘI TIẾT									
73	Methyl prednisolon 16	Methyl prednisolon	16mg	Viên nén	Viên			X	Uống vào khoảng 8 giờ sáng
74	Kidsolon 4	Methyl prednisolon	4mg	Viên nén sủi	Viên			X	
75	Kidpredni	Prednisolon	5mg	Viên nén sủi	Viên		X		Dùng một lần duy nhất sau bữa ăn sáng. Uống thuốc sau bữa ăn hoặc với thức ăn hoặc sữa để làm giảm tác dụng trên đường tiêu hóa
76	Prednisolon sachet	Prednisolon acetat (natri phosphate)	5mg; 1g	Thuốc côm	Gói		X		Uống vào khoảng 8 giờ sáng
77	Melanov-M	Gliclazid + metformin	80mg + 500mg	Viên nén	Viên		X		Uống vào các bữa ăn sáng và tối, trong hoặc sau khi ăn để tránh những ADR về tiêu hóa

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Thời điểm dùng thuốc			Lưu ý
						Xa bữa ăn	Gần bữa ăn	Tùy ý	
78	Berlthyrox 100	Levothyroxin	100mcg	Viên nén	Viên	X			Uống vào buổi sáng, khi đói, ít nhất 30 phút trước khi ăn sáng.
79	Diamicron MR tab 30mg 60's	Gliclazide	30mg	Viên phóng thích có kiểm soát	Viên		X		Uống một lần lúc ăn sáng. Phải nuốt cả viên thuốc, không nhai. Nếu quên uống một liều, không được tăng liều ở lần uống tiếp sau đó.
24. THUỐC CHỐNG RỐI LOẠN TÂM THẦN VÀ THUỐC TÁC ĐỘNG LÊN HỆ THẦN KINH									
24.1. Thuốc an thần									
80	Seduxen	Diazepam	5mg	Viên nén	Viên			X	
81	Rotundin	Rotundin	30mg	Viên nén	Viên			X	
24.5 Thuốc tác động lên hệ thần kinh									
82	Tanganil 500mg	Acetyl leucin	500mg	Viên nén	Viên			X	Uống sáng và tối
25. THUỐC TÁC DỤNG TRÊN ĐƯỜNG HÔ HẤP									
83	Lobonxol	Ambroxol	30mg	Viên nén	Viên		X		Uống sau khi ăn

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Thời điểm dùng thuốc			Lưu ý
						Xa bữa ăn	Gần bữa ăn	Tùy ý	
84	Befabrol	Ambroxol HCl	15mg/5ml; 5ml	Siro	Gói		X		
	26. DUNG DỊCH ĐIỀU CHỈNH NƯỚC, ĐIỆN GIẢI, CÂN BẰNG ACID-BASE VÀ CÁC DUNG DỊCH TIÊM TRUYỀN KHÁC								
85	PANANGIN	Magnesi aspartat anhydrat + Kali aspartat anhydrat	140mg + 158mg	Viên nén bao phim	Viên		X		Uống thuốc nguyên viên, không nhai và uống sau bữa ăn (Do acid dịch vị có thể làm giảm hiệu lực của thuốc)
	27. Thuốc Y học cổ truyền								
86	Actisô HĐ	Cao đặc Actiso	250mg	Viên nang mềm	Viên			X	
87	Cynaphytol	Cao đặc Actiso	375mg	Viên nang cứng	Viên	X			Uống trước bữa ăn
88	Hometex	Cao đặc Actiso	200mg	Viên nén bao phim	Viên			X	
89	Actiso Hoàn	Actiso	25ml cao lỏng (tương đương 25g Actiso)	Viên hoàn cứng	Viên			X	

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Thời điểm dùng thuốc			Lưu ý
						Xa bữa ăn	Gần bữa ăn	Tùy ý	
90	Boganic	Cao đặc Actiso + Cao đặc Rau đắng đất + Cao đặc Bìm bìm	100mg + 75mg + 7,5mg	Viên bao phim	Viên			X	
91	Boliveric	Actiso; Rau đắng đất; Bìm bìm biếc: (tương đương cao Actiso; cao Rau đắng đất; Bột Bìm bìm biếc)	200mg + 150mg +16 mg	Viên nang cứng	Viên			X	
92	Tioga	Cao đặc Actiso, Sài đất, Thương nhĩ tử, Kim ngân hoa, Hạ khô thảo	33,33mg + 1g + 0,34g + 0,25g + 0,17g	Viên bao đường	Viên			X	
93	Diệp hạ châu Caps	Diệp hạ châu (tương đương Diệp hạ châu 4,5g)	Cao khô diệp hạ châu 10:1 (tương đương 4,5g diệp hạ châu) 450mg	Viên nang cứng	Viên		X		Uống sau khi ăn
94	Bình can	Diệp hạ châu, Nhân trần, Bồ công anh	2g, 2g, 1g	Viên nang cứng	Viên		X		Uống sau bữa ăn
95	Ceginkton	Cao đặc đinh lăng 250mg; Cao bạch quả 100mg	Cao đặc đinh lăng 250mg; Cao bạch quả 100mg	Viên nang mềm	Viên			X	
96	Thập toàn đại bổ HĐ	Cao khô hỗn hợp tương ứng với 1,01g dược liệu gồm: Đảng sâm; Phục linh; Bạch truật; Cam thảo;	160mg; 110mg; 110mg; 30mg; 160mg; 110mg; 110mg; 80mg; 110mg; 30mg	Viên nang cứng	Viên			X	

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Thời điểm dùng thuốc			Lưu ý
						Xa bữa ăn	Gần bữa ăn	Tùy ý	
		Thục địa; Bạch thược; Đương quy; Xuyên khung; Hoàng kỳ; Quế nhục							
97	Thập toàn đại bổ	Đương quy, Bạch truật, Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh, Xuyên khung, Bạch thược.	Đương quy 0,42g Bạch truật 0,42g; Đảng sâm 0,63g; Quế nhục 0,42g Thục địa 0,63g Cam thảo 0,33g; Hoàng kỳ 0,63g; Phục linh 0,33g; Xuyên khung 0,33g; Bạch thược 0,42g Tổng HL = 4,56g)	viên nén bao phim	Viên			X	
98	Mediphylamin	Bột bèo hoa dâu	250mg	Viên nang cứng	Viên		X		Uống sau bữa ăn

Ghi chú:

Xa bữa ăn: ít nhất 1 giờ trước khi ăn hoặc 2 giờ sau khi ăn.

Gần bữa ăn: ngay trước bữa ăn, ngay sau bữa ăn hoặc trong khi ăn.

Tùy ý: Uống thuốc tùy ý, không cần chú ý tới bữa ăn.

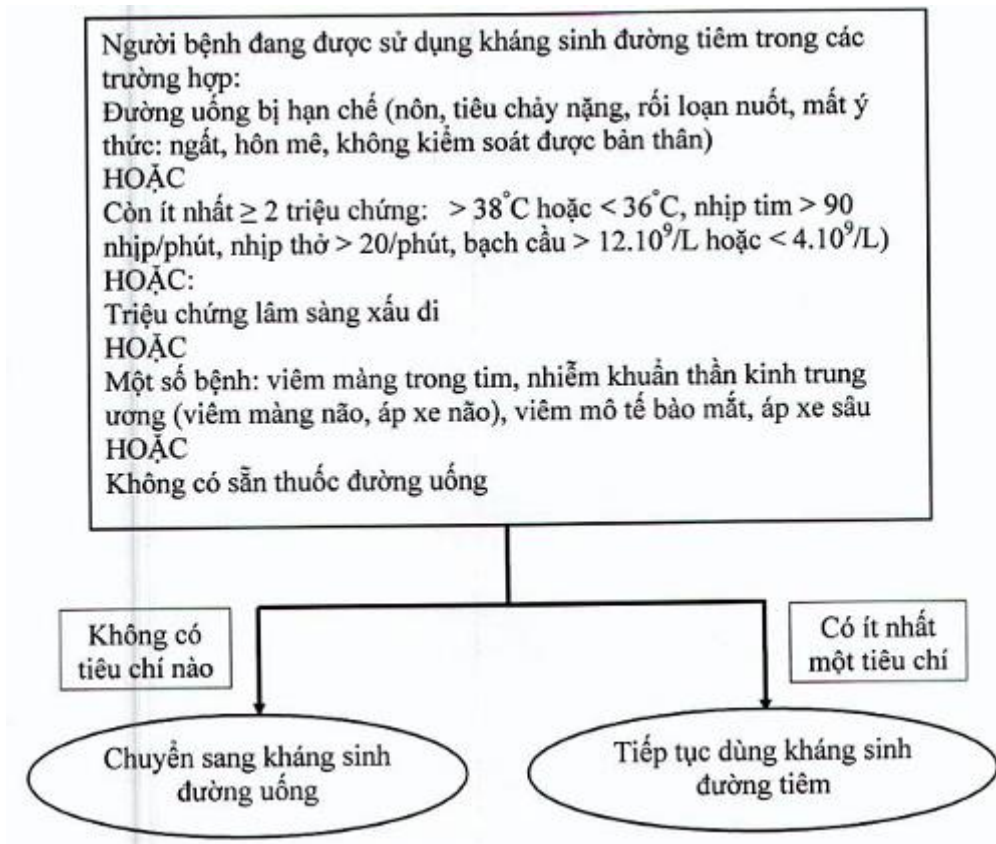
TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.
2. <https://drugbank.vn/>
3. Dược thư quốc gia Việt Nam 2015.
4. <https://www.medicines.org.uk/emc>

CHUYỂN ĐỔI KHÁNG SINH TỪ ĐƯỜNG TIÊM SANG ĐƯỜNG UỐNG

1. TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH NGƯỜI BỆNH CÓ THỂ CHUYỂN KHÁNG SINH TỪ ĐƯỜNG TIÊM SANG ĐƯỜNG UỐNG

Tùy theo đối tượng người bệnh để xem xét chuyển kháng sinh từ đường tiêm sang đường uống cho phù hợp.



2. DANH SÁCH KHÁNG SINH VÀ LIỀU LƯỢNG ĐỂ CHUYỂN ĐỔI TỪ IV SANG PO TẠI BỆNH VIỆN UNG BƯỞU TỈNH THANH HÓA

1. Điều trị nội tiếp:

Nhóm thuốc	Thuốc	Liều IV	Liều PO	BD thuốc tiêm, truyền	BD thuốc uống
Kháng sinh nhóm Quinolon	Ciprofloxacin	200 - 400 mg mỗi 12h *400 mg mỗi 8h	250 – 500 mg mỗi 12h *750 mg mỗi 12h	+ Quinrox 400/40 + Ciprofloxacin Kabi + Ciprobay IV In 200mg 100ml	+ Viprolox 500
	Moxifloxacin	400 mg mỗi 24h	400 mg mỗi 24h	+ Rvmoxi + Avelox 400mg/250ml + Aupiflox 400mg/250ml + Moveloxin Injection 400mg	+ Avelox 400mg
Kháng sinh nhóm nitroimidazole	Metronidazol	500 mg mỗi 8h *4g/ 24h	250 mg mỗi 6 – 8h hoặc 500 - 750 mg mỗi 8h	+ Trichopol + Metronidazol Kabi	+ Metronidazol 250

Ghi chú: * : Liều tối đa

2. Điều trị xuống thang hoặc điều trị chuyển đổi:

Nhóm thuốc	Kháng sinh đường tiêm, truyền	Liều IV	Kháng sinh đường uống thay thế	Liều PO
Kháng sinh nhóm B-lactam	<u>Ampicilin/ Sulbactam</u> BD: + Ama-Power; + Auropennz 3.0	Ampicilin/ Sulbactam = (2/1): 1.5 – 3g mỗi 6h *sulbactam 4g/ 24h	<u>Amoxicillin/Clavulanat</u> BD: + Vigentin 500/62,5DT. + Curam Tab 1000mg 10x8's + Augmentin Tablet 1g x7's	Amoxicillin: 500 - 875 mg mỗi 8h – 12h
	<u>Piperacillin/Tazobactam</u> BD: + Piperacillin/ Tazobactam Kabi 2g/0.25g + Zobacta 3,375g + Pipebamid 3,375	3g/0.375g mỗi 6h 4g/0,5g mỗi 6 – 8h *piperacillin 24g/ 24h	<u>Amoxicillin/ Clavulanat</u> BD: + Vigentin 500/62,5DT. + Curam Tab 1000mg 10x8's + Augmentin Tablet 1g x7's	Amoxicillin: 500 - 875 mg mỗi 8h – 12h
			<u>Ciprofloxacin+Metronidazol</u> BD: Viprolax 500 + Metronidazol 250	Ciprofloxacin 500 – 750mg + Metronidazol 500 mg mỗi 12h
	<u>Ceftriaxone</u> BD: Rocephin 1g I.V.	1g mỗi 12h	<u>Cefpodoxim</u> BD: Ingaron 200 DST	100 – 400 mg mỗi 12h

Nhóm thuốc	Kháng sinh đường tiêm, truyền	Liều IV	Kháng sinh đường uống thay thế	Liều PO
Kháng sinh nhóm Cephalosporin			<u>Cefuroxim</u> BD: + Xorimax Tab 500mg 10's + Zinnat Tab 500mg 10's + Zinnat Tab 250mg 10's	250 – 500 mg mỗi 12h
	<u>Ceftazidim</u> BD: Ceftazidime gerda 1G	1 g mỗi 8h hoặc 2g mỗi 12h	<u>Ciprofloxacin</u> BD: Viprolox 500	250 – 750 mg mỗi 12h

*Ghi chú: * : Liều tối đa*

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Quyết định 772/QĐ – BYT ngày 04/3/2016 về việc ban hành tài liệu “HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUẢN LÝ SỬ DỤNG KHÁNG SINH TRONG BỆNH VIỆN”.
- <https://www.nhipcauduoclamsang.com/>
- Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.
- <https://drugbank.vn/>
- Dược thư quốc gia Việt Nam 2015.